

Số: 903 HD/HNDT

Thành phố Huế, ngày 17 tháng 5 năm 2017

HƯỚNG DẪN
Về công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Nông dân
cấp huyện và cấp xã, nhiệm kỳ 2018 - 2023

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 02/11/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo Đại hội Hội Nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2018 - 2023; Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 20/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về lãnh đạo Đại hội Hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018 - 2023; căn cứ Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam; căn cứ Hướng dẫn số 211-HD/HNDTW, ngày 27/3/2017 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện và xã, nhiệm kỳ 2018 - 2023 ; căn cứ Kế hoạch số 135-KH/HNDT, ngày 03/3/2017 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018 - 2023”. Ban Thường vụ Hội Nông dân hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp huyện và cấp xã, nhiệm kỳ 2018 - 2023. Cụ thể như sau:

I. CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI.

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội, xác định rõ một số nội dung sau:
 - Thời gian tổ chức Đại hội.
 - Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu chính thức và đại biểu khách mời (lưu ý phù hợp số lượng khách mời so với số đại biểu Đại hội).
 - Nội dung Đại hội.
 - Nhân sự Ban Chấp hành khóa mới (số lượng, cơ cấu).
 - Thành lập các tiểu ban (bộ phận) phục vụ Đại hội.
 - Địa điểm tổ chức Đại hội.
 - Kinh phí tổ chức Đại hội.
 - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tiểu ban (bộ phận) và thành viên phục vụ Đại hội.
2. Báo cáo cấp ủy Đảng cùng cấp và Hội Nông dân cấp trên trực tiếp về kế hoạch Đại hội để xin ý kiến chỉ đạo. Hoàn thiện kế hoạch theo ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và Hội cấp trên.
3. Triển khai kế hoạch, ra quyết định thành lập các tiểu ban (đối với cấp huyện) hoặc bộ phận (đối với cấp xã) phục vụ Đại hội; tổ chức họp để phân công các thành viên của tiểu ban và cán bộ chuyên trách của Hội thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

3.1. Tiêu ban (bộ phận) Nhân sự:

- Xây dựng Đề án nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thường trực Hội và tham mưu thực hiện quy trình công tác nhân sự theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên.

- Xây dựng Đề án nhân sự đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hội cấp trên, kế hoạch phân bổ đại biểu.

- Đề xuất nhân sự tham gia Đoàn chủ tịch, thư ký, Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu...

- Chuẩn bị báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.

3.2. Tiêu ban (bộ phận) Nội dung:

3.2.1. Dự thảo các văn bản sau:

- Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào nông dân trong nhiệm kỳ (tính từ năm Đại hội trước đến năm 2018); phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2018 - 2023.

- Báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành trong nhiệm kỳ.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào các văn kiện Đại hội Hội Nông dân các cấp (theo hướng dẫn).

- Các báo cáo tham luận tại Đại hội.

- Nghị quyết Đại hội.

- Bài phát biểu của lãnh đạo cấp ủy.

- Nội quy, quy chế làm việc của Đại hội.

- Chương trình Đại hội.

- Nội dung tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

- Diễn văn khai mạc, bế mạc Đại hội.

- Kịch bản điều hành chung và kịch bản chi tiết chương trình Đại hội.

- Lời chào mừng, cảm ơn.

- Giấy mời, giấy triệu tập...

3.2.2. Định hướng bố cục, nội dung một số văn kiện:

a. Báo cáo chính trị:

- Báo cáo chính trị là nội dung chính và quan trọng của Đại hội. Do đó cần phải được chuẩn bị nghiêm túc, công phu và chu đáo, bảo đảm đúng định hướng chính trị của cấp ủy và Hội cấp trên với tinh thần đổi mới, sáng tạo. Cách viết một báo cáo như sau:

Đối với cấp huyện

Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện.....

tại Đại hội đại biểu lần thứ, nhiệm kỳ 2018 - 2023

Đối với cấp xã:

Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nông dân xã
nhiệm kỳ 2018 - 2023

- Bộ cục báo cáo có 2 phần chính:

Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ qua.

Phần thứ 2: Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp nhiệm kỳ tới.

- Cơ cấu báo cáo cần bảo đảm cân đối giữa phần đánh giá kết quả với phần phương hướng, nhiệm vụ; tránh tình trạng phần đánh giá quá dài, phần phương hướng lại quá ngắn.

Lưu ý: Tùy đặc điểm, tình hình của từng địa phương để đánh giá quá trình triển khai thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ 2012 - 2018, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2018 - 2023 phù hợp.

* **Cách viết từng phần cơ bản như sau:**

Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện.....

tại Đại hội đại biểu lần thứ, nhiệm kỳ 2018 - 2023

Đặt vấn đề:

Phần thứ nhất

Công tác Hội và Phong trào nông dân nhiệm kỳ 2012 - 2018

A. Tình hình nông dân, nông nghiệp, nông thôn

1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

- Những thuận lợi, khó khăn.

- Kết quả đạt được.

2. Tình hình nông dân

- Khái quát đời sống vật chất, tinh thần của nông dân. (Có dẫn chứng số liệu hộ nghèo, hộ thoát nghèo; hộ giàu, hộ nông dân xây dựng các trang trại điển hình, phát triển kinh tế có hiệu quả...)

- Tâm trạng của nông dân đối với đời sống chính trị của đất nước; đối với biến đổi khí hậu; đối với thị trường sản xuất nông nghiệp...

3. Tình hình nông thôn

- Khái quát kết quả đạt được của quá trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua. Kết quả hiện tại (có số liệu dẫn chứng về số xã đạt chuẩn NTM, số xã đạt các tiêu chí...)

B. Kết quả công tác xây dựng tổ chức Hội và thực hiện vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam và tham gia xây dựng Đảng chính quyền

I. Công tác xây dựng Hội

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

** Nội dung tuyên truyền:*

- Tuyên truyền, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- Tuyên truyền các Nghị quyết của Hội.
- Tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

+ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

+ Kết luận 61 KL/TW của Ban Bí thư, ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư trung ương Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”;

+ Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020.

- Tuyên truyền Bầu cử Quốc hội, HĐND, Đại hội XII của Đảng, Đại hội lần thứ XV tỉnh Đảng bộ...

- Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng và của dân tộc.

** Hình thức tuyên truyền:*

- Nghe, nhìn:

+ Viết bài trên báo Trung ương, địa phương, báo Hội.

+ Biên soạn tờ thông tin công tác Hội.

+ Website của Hội

+ Tọa đàm, ôn truyền thống

- Thi tìm hiểu pháp luật.

- Sinh hoạt câu lạc bộ.

** Nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của nông dân.*

** Kết quả tuyên truyền.*

2. Công tác củng cố, xây dựng tổ chức Hội và phát triển hội viên.

- Công tác đào tạo cán bộ Hội (đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá quy hoạch cán bộ).

- Công tác phát triển quản lý và nâng cao chất lượng hội viên (tăng, giảm, tỉ lệ sinh hoạt)

- Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi, tổ Hội.
- Kết quả triển khai các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh Hội về công tác tổ chức xây dựng tổ chức Hội vững mạnh: Nghị quyết 06-NQ/HNDTW, ngày 19/7/2010 của BCH Trung ương Hội khóa 5 về tiếp tục xây dựng HND các cấp vững mạnh; Nghị quyết 02-NQ/HNĐT, ngày 25/8/2009 của BCH Hội Nông dân tỉnh khóa VII về công tác xây dựng Hội vững mạnh ở vùng ven biển, đầm phá; Nghị quyết 04-NQ/HNĐT, ngày 05/5/2010 của BCH Hội Nông dân tỉnh khóa VII về công tác xây dựng Hội vững mạnh ở các xã miền núi.
- Công tác củng cố đội ngũ BCH các cấp, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Hội.
- Xây dựng và sử dụng Quỹ Hội; đóng hội phí.
- Kết quả xây dựng Chi tổ Hội nghề nghiệp theo Đề án 24 của Ban Thường vụ TW Hội.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Việc xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm.
- Nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc chấp hành điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội cấp trên; kiểm tra chuyên đề về quỹ hỗ trợ nông dân, sản xuất kinh doanh giỏi; hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo hằng năm...
- Số cuộc kiểm tra:
- Số vụ có vi phạm, trong đó số vụ phải xử lý kỷ luật (nêu rõ các hình thức kỷ luật nếu có).
- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho hội viên nông dân...

4. Công tác thi đua – khen thưởng

- Việc tổ chức phát động phong trào thi đua. Kết quả thực hiện các phong trào thi đua.
- Công tác khen thưởng. Số lượng tập thể, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ, Trung ương Hội, UBND tỉnh, tỉnh Hội khen thưởng...

5. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế. (Nếu có)

- Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại.
- Mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế.
- Kết quả tuyên truyền và đưa hội viên, nông dân đi lao động, làm việc ở nước ngoài...

II. Vai trò, trách nhiệm của Hội trong phát triển nông nghiệp

1. Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững

- Vận động hướng dẫn nông dân tham gia phát triển nông nghiệp và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Kết quả việc triển khai đăng ký và đạt được trong thực hiện chỉ tiêu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Những gương nông dân điển hình trong sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả.

- Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt qua khó khăn, thoát nghèo vươn lên làm giàu.

- Kết quả công tác giảm nghèo.

2. Tổ chức dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân

- Dịch vụ về vốn và cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp.

+ Kết quả xây dựng và sử dụng Quỹ HTND. Xây dựng mô hình sản xuất.

+ Kết quả phối hợp với Ngân hàng CSXH, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tạo điều kiện cho nông dân vay vốn.

+ Phối hợp với các công ty cung ứng thiết bị vật tư nông nghiệp.

- Hỗ trợ nông dân tiếp cận với KHKT. Phối hợp xây dựng các mô hình trình diễn.

+ Kết quả tập huấn khoa học - kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư...

+ Tham gia các cuộc thi tôn vinh Nhà nông sáng tại và Khoa học công nghệ, Hội chợ triển lãm các ngành nghề.

- Dịch vụ hỗ trợ thông tin, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông sản.

- Công tác hỗ trợ nông dân trong thực hiện phong trào.

- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý.

3. Vận động, hướng dẫn nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể

- Công tác tuyên truyền vận động. Tổ chức tập huấn kiến thức, hình thức, cách làm để phát triển kinh tế tập thể.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu xây dựng mô hình kinh tế tập thể. *(Nói rõ trong nhiệm kỳ xây dựng được bao nhiêu mô hình kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác, hiệu quả hoạt động).*

4. Thực hiện Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định 673/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Kết quả ký kết các chương trình phối hợp với các ban, ngành chức năng trong việc thực hiện Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định 673/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả của việc triển khai Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ Hỗ trợ Nông dân”.

- Việc tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư TW Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam

trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.

- Việc tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Quyết định 673/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020.

III. Vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới

1. Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới

- Kết quả phổ biến, tuyên truyền trong hội viên nông dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tham gia xây dựng và tổ chức giám sát việc thực hiện quy hoạch tại địa phương.

- Kết quả vận động nông dân đóng góp đất, ngày công, tiền để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu xây dựng mô hình bảo vệ môi trường nông thôn.

- Xóa nhà tạm, giúp sửa chữa nhà...

- Đánh giá Hội tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới

* Các phong trào khác do mỗi địa phương tổ chức...

2. Phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng an ninh

- Quán triệt Nghị quyết của Đảng cho cán bộ, hội viên nông dân liên quan đến quốc phòng an ninh, luật nghĩa vụ quân sự.

- Vận động hội viên nông dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; vận động con, em nông dân thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự.

- Kết quả xây dựng điểm sáng vùng biên, phòng chống tội phạm.

- Kết quả các chương trình phối hợp với Quân đội, Công an thực hiện phong trào bảo vệ an ninh, chủ quyền, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

- Hội tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

3. Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe hội viên nông dân

- Kết quả đăng ký và thực hiện chỉ tiêu xây dựng gia đình văn hóa

- Kết quả tuyên truyền, vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Quỹ Vì người nghèo.

- Tham gia phong trào vệ sinh yêu nước; nâng cao sức khỏe nhân dân; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội cho nông dân; an toàn thực phẩm; an toàn giao thông, an toàn lao động.

IV. Vai trò trách nhiệm của Hội với xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam

1. Tổ chức dạy nghề cho nông dân

- Kết quả Dạy nghề và giới thiệu việc làm cho nông dân.

2. Tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp phần hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.
- Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên nông dân.
- Kết quả ký kết chương trình phối hợp với UBMT Tổ quốc Việt Nam và các ban, ngành địa phương về giám sát việc thực hiện pháp luật về quản lý, sản xuất kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp và ban hành kế hoạch thực hiện.
- Đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng nông thôn mới.

V. Tham gia xây dựng Đảng chính, quyền và khối đại đoàn kết toàn dân

- Thực hiện Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.
- Thực hiện Quyết định 81/2014/QĐ-TTg, ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
- Kết quả thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XI), Nghị quyết TW4 (khóa XII) về xây dựng Đảng và Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh, hiện nay là Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
- Tham gia góp ý vào dự thảo báo cáo chính trị khóa XII của Đảng, báo cáo chính trị của Đại hội Đảng các cấp.
- Tham gia bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp...
- Kết quả số lượng cán bộ Hội trúng cử cấp ủy các cấp, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, tỉ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt với Hội...
- Kết quả công tác bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú để phát triển Đảng.

C. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

I. Đánh giá chung

1. Những kết quả nổi bật, nguyên nhân

+ Kết quả đạt được trên các mặt chính: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng; công tác củng cố, xây dựng tổ chức Hội; các phong trào hành động cách mạng.

2. Hạn chế, yếu kém

- Trong công tác xây dựng củng cố tổ chức Hội.
- Về vai trò, trách nhiệm của Hội trong xây dựng nông thôn mới.
- Về vai trò trách nhiệm của Hội trong xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam
- Trong tham gia xây dựng Đảng chính quyền.

3. Nguyên nhân hạn chế yếu kém

- Nguyên nhân hạn chế yếu kém.

* Nguyên nhân chủ quan.

* Nguyên nhân khách quan

II. Bài học kinh nghiệm

- Về công tác tuyên truyền (nhấn mạnh nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nông dân để kịp thời báo cáo, đề xuất hướng giải quyết kịp thời cho Đảng và Nhà nước).

- Về công tác xây dựng tổ chức hội vững mạnh (nhấn mạnh công tác cán bộ).

- Về tổ chức các phong trào.

- Về thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (phải chủ động tham mưu, thường xuyên bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, và phối hợp của Chính quyền và các ngành).

- Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phải đoàn kết, năng động, chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng chương trình hoạt động, và tổ chức kiểm tra, việc thực hiện chương trình hoạt động đó...

-

Phần thứ hai

Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác Hội và Phong trào nông dân nhiệm kỳ 2018 - 2023

* **Bố cục.**

I. Dự báo (Nhận định) tình hình 5 năm trong nhiệm kỳ tới, thuận lợi khó khăn. (Giới thiệu sơ lược tiềm năng quan trọng của Đại hội với vị thế của đất nước, của địa phương từ đó rút ra phương hướng, nhiệm vụ).

II. Phương hướng, mục tiêu

1. Phương hướng: Bám sát định hướng của Chỉ thị số 08 CT/TW ngày 02/11/2016 của Ban Bí thư, Chỉ thị số 14 CT/TU ngày 20/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo Đại hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII (2013 - 2018), nghị quyết của cấp ủy và tình hình thực tiễn công tác Hội và phong trào nông dân ở địa phương để đề ra phương hướng mục tiêu sát thực tế, có tính khả thi cho hoạt động Hội 5 năm tiếp theo.

2. Mục tiêu:

- Đoàn kết tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Hội vững mạnh toàn diện.

- Góp phần tích cực hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Góp phần xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường”.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu (định hướng):

1. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ hội viên đạt trên **80%**/ hộ nông dân.
2. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ, có **100%** cán bộ chi, tổ Hội, cán bộ chủ chốt từ cơ sở Hội trở lên được đào tạo bồi dưỡng và đào tạo bồi dưỡng lại nghiệp vụ công tác hội.
3. Hằng năm, có **95%** hội viên, nông dân được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và nghị quyết của Hội.
4. Hằng năm, có trên **85%** cơ sở khá và vững mạnh, trong đó có trên **60%** cơ sở vững mạnh. Không có cơ sở yếu kém.
5. Hằng năm, có **100%** chi hội có quỹ Hội, với mức bình quân **60.000** đồng/hội viên/năm.
6. Hằng năm, có từ **70%** số hộ nông dân đăng ký phần đầu và có từ **40%** số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.
7. Hằng năm, vận động tăng **15%** trên tổng Quỹ hỗ trợ nông dân so với năm trước.
8. Hằng năm, có **100%** Hội Nông dân cấp huyện; **80%** Hội Nông dân cấp xã tổ chức được các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ nông dân có hiệu quả.
9. Hằng năm, Hội chủ động và phối hợp đào tạo nghề cho nông dân khoảng **2-3%** so với tổng số hội viên nông dân. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm đạt **80%** trở lên.
10. Hằng năm, có **100%** Hội Nông dân cấp huyện, **80%** Hội Nông dân cấp xã hướng dẫn, tổ chức hội viên nông dân xây dựng được ít nhất một mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả.
11. Hằng năm, phần đầu mỗi cơ sở Hội xây dựng **01** mô hình Hội Nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn.
12. Hằng năm có **95%** hộ nông dân đạt chuẩn gia đình văn hóa.
13. Hằng năm có **50%** hội viên nông dân được tập huấn khoa học kỹ thuật.
14. Phần đầu hằng năm, tỷ lệ nợ quá hạn Ngân hàng Chính sách và xã hội thấp hơn hoặc bằng **0,1%**.

*** Lưu ý:**

- Trên cơ sở định hướng, Ban Thường vụ các huyện, thị, thành Hội căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị để xây dựng các chỉ tiêu phù hợp.

- Trên đây là chỉ tiêu dự kiến, quá trình triển khai nếu có thay đổi, sẽ có hướng dẫn bổ sung.

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Công tác xây dựng tổ chức Hội

2. Vai trò, trách nhiệm của Hội trong phát triển nông nghiệp.
3. Vai trò, trách nhiệm của Hội trong xây dựng nông thôn mới.
4. Vai trò, trách nhiệm của Hội trong xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam.

5. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân.

Cách viết: Phần phương hướng và nhiệm vụ: Cách viết cũng theo các phần cơ bản theo bố cục nói trên nhưng không nên dàn trải mà cần có trọng tâm, xây dựng được mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu.

- Cần bám sát nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; các chủ trương Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ngoài nhiệm vụ chính công tác Hội cần nhấn mạnh Hội tham gia thực hiện Kết luận 61, quyết định 673 và yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Bám sát nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và thực tiễn công tác Hội và phong trào nông dân để xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả nhằm đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, mô hình tổ chức, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong đó, nêu nổi bật các giải pháp mang tính khả thi trong thực hiện 3 phong trào nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống; xây dựng các mô hình điếm về sản xuất theo chuỗi giá trị. Nội dung, giải pháp phát huy được vai trò chủ thể trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng giai cấp nông dân và phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

Lưu ý: Phần nhiệm vụ và giải pháp: Cần đề ra những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết phải giải quyết trong thời gian tới và những giải pháp thực hiện có hiệu quả, khả thi.

b. Báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành

Bố cục gồm các phần:

I. Tình hình Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong nhiệm kỳ.

1. Tình hình Ban Chấp hành.

2. Tình hình Ban Thường vụ.

II. Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành.

1. Ưu điểm.

2. Hạn chế, khuyết điểm.

III. Vai trò và trách nhiệm của Ban Thường vụ.

1. Ưu điểm.

2. Hạn chế, khuyết điểm.

IV. Nguyên nhân.

1. Nguyên nhân của ưu điểm.

2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém.

c. Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội là văn bản ghi tóm tắt những nội dung chính sau đây:

- Thời gian diễn ra Đại hội, thành phần, số lượng đại biểu.
- Đại hội đã thống nhất các báo cáo của Ban Chấp hành trình Đại hội.
- Đại hội nhân mạnh hoặc bổ sung những vấn đề gì?
- Đại hội xác định những mục tiêu, chỉ tiêu nào?
- Đại hội giao cho Ban Chấp hành khóa mới hoàn chỉnh các văn bản theo tinh thần thảo luận của Đại hội và triển khai thực hiện nghị quyết.
- Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, hội viên, nông dân thực hiện thắng lợi nghị quyết.

d. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

- Những căn cứ tiến hành Đại hội.
 - Giới thiệu đại biểu (đại biểu khách mời, đại biểu chính thức về dự Đại hội).
- * Lưu ý: Phần tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu cần hết sức ngắn gọn, không được trùng với nội dung bài phát biểu khai mạc. Đại biểu lãnh đạo cấp ủy và Hội cấp trên cần giới thiệu chính xác họ, tên và đầy đủ chức danh. Các đại biểu khác có thể giới thiệu và hoan nghênh chung, tránh tình trạng giới thiệu đứng lên và vỗ tay quá nhiều lần.

d. Diễn văn khai mạc Đại hội

Diễn văn khai mạc cần ngắn gọn, thể hiện đầy đủ các nội dung:

- Bối cảnh diễn ra Đại hội.
- Lời chào mừng đại biểu.
- Tầm quan trọng và ý nghĩa của Đại hội.
- Những nhiệm vụ chính của Đại hội.
- Nêu trách nhiệm, ý thức của đại biểu Đại hội.
- Tuyên bố khai mạc Đại hội.

e. Diễn văn bế mạc Đại hội

Cần có các ý chính sau: Đánh giá khái quát kết quả Đại hội về tinh thần, khí thế, nội dung, chương trình diễn ra trong Đại hội; kêu gọi tinh thần của cán bộ, hội viên, nông dân ra sức thi đua thực hiện nghị quyết Đại hội; cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân đối với Đại hội.

3.3. Tiểu ban (bộ phận) Tuyên truyền, khánh tiết

- Căn cứ hướng dẫn công tác tuyên truyền Đại hội của cấp trên, các cấp Hội chủ động, phối hợp với các cơ quan, báo chí tuyên truyền trước, trong và sau Đại hội. Nội dung tuyên truyền tập trung kết quả công tác Hội và phong trào nông dân, chú trọng giới thiệu các tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2018 - 2023; truyền thống của Hội và giai cấp nông dân; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Trang trí trong và ngoài khu vực tổ chức Đại hội:
 - + Trong hội trường: Âm thanh, ánh sáng, hoa, chụp ảnh, khẩu hiệu, bàn ghế... Việc trang trí hội trường cần đảm bảo nguyên tắc trang trọng và đạt yêu cầu thẩm mỹ (sẽ có hướng dẫn riêng của Tiểu ban Tuyên truyền).
 - + Ngoài hội trường và các khu vực liên quan: Tổ chức các hoạt động, triển lãm, trưng bày kết quả, cờ, khẩu hiệu, pa nô ảnh...
 - Hướng dẫn tổ chức phong trào thi đua; gửi giấy mời, đón, tiếp khách và sắp xếp chỗ ngồi cho đại biểu trong hội trường; chuẩn bị băng nhạc chào cờ; văn nghệ chào mừng, cung cấp tài liệu và các nội dung liên quan đến tuyên truyền, khánh tiết...

3.4. Tiểu ban (bộ phận) Hậu cần.

- Dự trù, đề xuất kinh phí, vận động sự ủng hộ, tạo điều kiện của chính quyền, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phục vụ cho Đại hội.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, địa điểm tổ chức Đại hội; chủ trì công tác đảm bảo phục vụ Đại hội; công tác an ninh bảo vệ Đại hội; đón, tiếp đại biểu.
- In ấn các tài liệu phục vụ Đại hội.
- Lập danh sách và phát tài liệu cho đại biểu.
- Chuẩn bị địa điểm và các điều kiện để kiểm phiếu.

4. Hội Ban Chấp hành để kiểm duyệt tất cả các phần việc đã phân công cho các tiểu ban (hoặc bộ phận) ở mục 3.

5. Báo cáo cấp ủy Đảng cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp duyệt tổng thể các nội dung Đại hội. Nội dung duyệt gồm:

- Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.
- Chương trình Đại hội.
- Nội dung các văn kiện trình tại Đại hội; nội dung các hoạt động khác diễn ra tại Đại hội.
- Phương án nhân sự Đại hội. Bao gồm: Đề án nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thường trực Hội (kèm theo danh sách trích ngang nhân sự cụ thể được dự kiến và kết quả phiếu tín nhiệm các hội nghị); Đề án và danh sách trích ngang đoàn đại biểu dự Đại hội Hội cấp trên.

- Dự kiến danh sách Đoàn chủ tịch, thư ký Đại hội; phân công nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch; kịch bản điều hành của Đoàn chủ tịch.

- Thành phần đại biểu khách mời và số lượng đại biểu dự Đại hội.

6. Hội Ban Chấp hành phiên cuối cùng trước Đại hội

6.1. Thông báo nội dung được duyệt của cấp ủy và Hội cấp trên.

6.2. Tập trung hoàn thiện các nội dung theo chỉ đạo của cấp ủy và Hội cấp trên sau khi duyệt.

- Tiến hành rà soát, kiểm tra tất cả các phần việc đã phân công cho từng tiểu ban/bộ phận.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Đoàn chủ tịch.
- Gửi giấy mời, giấy triệu tập (*gửi trước khi tổ chức Đại hội ít nhất 7 ngày*).

II. CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Thực hiện theo Hướng dẫn số 904-HD/HNDT ngày 17/5/2017 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức Đại hội, nếu có phát sinh về vấn đề khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hoặc đại biểu dự Đại hội cấp trên thì tiểu ban (bộ phận) nhân sự căn cứ tình hình cụ thể báo cáo cấp ủy và Hội cấp trên để xem xét giải quyết kịp thời.

III. QUY CHẾ BẦU CỬ: Thực hiện theo Điều lệ Hội và Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

IV. GÓP Ý CÁC DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI: Thực hiện theo mục 2.2 của Kế hoạch số 135-KH/HNDT, ngày 03/3/2017 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

V. SỐ LƯỢNG, QUY TRÌNH BẦU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ, BAN THẨM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU VÀ BAN KIỂM PHIẾU.

Đoàn chủ tịch, thư ký Đại hội, Ban thẩm tra tư cách đại biểu và Ban kiểm phiếu là các đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội và được Đại hội bầu bằng hình thức biểu quyết.

1. Số lượng:

- Đoàn chủ tịch:
 - + Đối với cấp xã: Từ 3 - 5 người.
 - + Đối với cấp huyện: Từ 5 - 7 người.
- Thư ký Đại hội: Từ 1 - 2 người.
- Ban thẩm tra tư cách đại biểu: Từ 3 - 5 người.
- Ban kiểm phiếu: Từ 7 - 11 người.

2. Quy trình:

- Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Ban Chấp hành Hội Nông dân cấp triệu tập Đại hội, tại phiên họp trụ bị của Đại hội, ban tổ chức Đại hội xin ý kiến Đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách và tiến hành bầu Đoàn chủ tịch, thư ký Đại hội, Ban thẩm tra tư cách đại biểu. Trường hợp có ý kiến giới thiệu thêm người thì tiến hành lấy biểu quyết từng người một.

- Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Ban Chấp hành Hội Nông dân cấp triệu tập Đại hội, tại Đại hội, Đoàn Chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách và tiến hành bầu Ban kiểm phiếu của Đại hội.

3. Nhiệm vụ:

3.1. Đoàn chủ tịch Đại hội.

- Điều hành Đại hội theo nội dung, chương trình, nội quy đã được Đại hội thông qua.

- Điều hành đại biểu biểu quyết các vấn đề:

+ Thông qua chương trình, nội quy của Đại hội.

+ Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.

+ Báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia vào văn kiện Đại hội cấp trên.

+ Số lượng, danh sách bầu cử Ban Chấp hành; Đoàn đại biểu dự Đại hội cấp trên.

+ Chỉ tiêu, nghị quyết Đại hội.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận các vấn đề của Đại hội.

- Lãnh đạo bầu cử Ban Chấp hành và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

- Khai mạc, bế mạc Đại hội.

3.2. Thư ký Đại hội

- Ghi biên bản Đại hội, nhận phiếu đăng ký phát biểu của các đại biểu.

- Tổng hợp các ý kiến phát biểu và biểu quyết của Đại hội.

- Dự thảo nghị quyết Đại hội và các văn bản khác của Đại hội.

- Nhận và đọc thư chào mừng Đại hội (nếu có).

- Trình bày dự thảo nghị quyết Đại hội.

3.3. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

- Căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu và nguyên tắc, thủ tục để xét tư cách đại biểu dự Đại hội.

- Báo cáo Đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để Đại hội xem xét quyết định.

- Xem xét đơn thư tố cáo, khiếu nại và các vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu trong Đại hội, báo cáo Đoàn chủ tịch trình Đại hội quyết định (*chỉ xét những đơn thư gửi trước khi Đại hội 10 ngày đối với cơ sở và 15 ngày đối với tỉnh, huyện*).

3.4. Ban kiểm phiếu

- Chuẩn bị phiếu bầu, thùng phiếu, kiểm tra niêm phong thùng phiếu trước khi bỏ phiếu.

- Phiếu bầu in họ và tên những người trong danh sách bầu cử (*theo thứ tự A, B, C...*) đã được Đại hội thông qua và đóng dấu của Ban Chấp hành cấp tổ chức Đại hội. Trong trường hợp không có số dư, tùy tình hình cụ thể để lựa chọn hình thức xây dựng phiếu bầu và tổ chức bầu cử cho phù hợp (có thể gạch cả họ và tên; hoặc chia thành 5 cột theo kiểu đánh dấu X ở ô đồng ý hoặc ô không đồng ý).

- Hướng dẫn cách bỏ phiếu; phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu.

- Xem xét và kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử.

- Lập biên bản bầu cử, kết quả trúng cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho Đoàn chủ tịch Đại hội để bàn giao cho Ban Chấp hành khóa mới lưu trữ theo quy định.

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu với Đoàn chủ tịch Đại hội, công bố kết quả bầu cử.

* **Lưu ý:** Nhân sự trong Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách bầu cử.

VI. TRÌNH TỰ CÁC NỘI DUNG TRONG ĐẠI HỘI

*** Ngày thứ nhất: Phiên họp trừ bị của Đại hội**

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra tình hình đại biểu, phát tài liệu; sắp xếp chỗ ngồi của đại biểu trong hội trường.

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

3. Bầu Đoàn chủ tịch, thư ký Đại hội.

4. Bầu Ban Thẩm tra tư cách đại biểu.

5. Thông qua nội quy và chương trình Đại hội.

6. Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.

7. Quán triệt một số nội dung cần thiết trong Đại hội chính thức: Thời gian, trang phục, chuẩn bị thảo luận, tham luận; hướng dẫn chào cờ, hát Quốc ca...

Việc điều hành các nội dung trên do Ban Tổ chức Đại hội phân công.

*** Ngày thứ hai: Đại hội khai mạc.**

1. Ổn định tổ chức.

2. Chào cờ (nhạc và hát Quốc ca).

3. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

4. Khai mạc Đại hội.

5. Trình bày dự thảo Báo cáo chính trị (báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2012 - 2018, phương hướng nhiệm kỳ 2018 - 2023).

6. Trình bày báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2012 -2018.

7. Phát biểu tham luận (có thể xen kẽ thêm trong các phần bầu cử).

8. Phát biểu của lãnh đạo địa phương và Hội cấp trên.

9. Bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2018 - 2023 (nên có kịch bản hướng dẫn riêng).

10. Bầu Đoàn đại biểu tham dự Đại hội cấp trên (có kịch bản hướng dẫn riêng).

11. Tham gia ý kiến góp ý dự thảo các văn kiện Đại hội cấp trên .

12. Báo cáo kết quả bầu Ban Thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch.

13. Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới ra mắt.

14. Tặng quà ủy viên Ban Chấp hành nhiệm kỳ cũ (không tái cử).

15. Khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong nhiệm kỳ (nếu có).

16. Trình bày dự thảo nghị quyết Đại hội; thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể đại biểu chính thức.

17. Phát biểu bế mạc Đại hội.

18. Chào cờ bế mạc.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, Đại hội có thể sắp xếp các nội dung như: Tặng hoa, văn nghệ chào mừng trước khi ổn định tổ chức...

VII. TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC SAU ĐẠI HỘI

1. Hoàn thiện các văn bản báo cáo Hội cấp trên và lưu hồ sơ Đại hội

1.1. Văn bản gửi Hội cấp trên, gồm:

- Biên bản Đại hội.

- Văn bản đề nghị Hội cấp trên ra quyết định công nhận Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch (tờ trình và biên bản bầu cử, danh sách trích ngang nhân sự.

- Biên bản bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên và danh sách trích ngang các đại biểu.

- Báo cáo kết quả Đại hội cấp mình gửi lên Hội cấp trên.

1.2. Lập hồ sơ lưu trữ gồm:

- Đề án Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, danh sách Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, lý lịch trích ngang của từng ủy viên Ban Chấp hành.

- Biên bản bầu cử, phiếu bầu.

- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu, danh sách trích ngang của đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

- Báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành và các văn bản có liên quan đến nhân sự.

- Giấy mời, giấy triệu tập, chương trình Đại hội, nội quy Đại hội.

- Báo cáo chính trị của Đại hội.

- Các báo cáo tham luận tại Đại hội.

- Nghị quyết Đại hội.

- Diễn văn khai mạc, bế mạc Đại hội.

- Các bài phát biểu của Hội cấp trên, cấp ủy cùng cấp.

2. Tuyên truyền kết quả Đại hội

- Tuyên truyền nghị quyết Đại hội.

- Tuyên truyền các gương cán bộ, hội viên tiêu biểu trong các lĩnh vực.

- Phát động thi đua chào mừng thành công của Đại hội.

3. Quyết toán tài chính phục vụ Đại hội

4. Gửi thư cảm ơn của Đại hội đến các đơn vị, cá nhân chỉ đạo, quan tâm, hỗ trợ Đại hội

Căn cứ Hướng dẫn, Ban Thường vụ Hội Nông dân các huyện, thị, thành Hội xây dựng kế hoạch chỉ đạo và tổ chức Đại hội điếm phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị mình, đảm bảo đúng thời gian, yêu cầu và các quy định của Ban Thường vụ tỉnh Hội. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo với cấp ủy và Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Kiểm tra) để điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ TW Hội (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Hội Nông dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đ/c Ủy viên BCH tỉnh Hội;
- Các Ban, đơn vị thuộc tỉnh Hội;
- Lưu VP, Ban TC-KT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Phạm Thị Minh Huệ